

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý 134/2023/TLST-VHNGĐ ngày 11/4/2023 về việc “Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”.

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Bà Đặng Thúy A, sinh năm 1992; địa chỉ: số A, tổ A1, khu phố A2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1988; địa chỉ: số B, tổ B1, khu phố B2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thúy A và ông Nguyễn Văn A1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 18/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã An Long, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, bà A và ông A1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà A và ông A1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà A và ông A1 vẫn giữ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 03/01/20xx và cháu Nguyễn Đặng Bảo T, sinh ngày 12/02/20xx. Bà A và ông A1 thống nhất giao con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm được quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thúy A và ông Nguyễn Văn A1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 03/01/20xx và cháu Nguyễn Đặng Bảo T, sinh ngày 12/02/20xx cho bà Đặng Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thúy A và ông Nguyễn Văn A1 mỗi người nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002661 ngày 30/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã An Long,
huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm